

DANH SÁCH LỚP ÔN THI CHUẨN ĐẦU RA NGOẠI NGỮ - ĐỢT 2 NĂM 2025

TT	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Nghe	Nói	Đọc	Viết	Ghi chú
1	1001030460	Lý Quốc	An	27/07/2004	QT10A	Lớp 1	Lớp 1	Lớp 1	Lớp 1	
2	1001060346	Nguyễn Thành	An	14/11/2004	KA10A	Lớp 1	Lớp 1	Lớp 1	Lớp 1	
3	1101031146	Trịnh Hương	An	08/04/2005	QT11A	Lớp 1	Lớp 1	Lớp 1	Lớp 1	
4	1001040001	Vũ Đức	An	31/03/2004	CT10A	Lớp 1	Lớp 1	Lớp 1	Lớp 1	
5	1001030463	Chu Thị Hải	Anh	10/07/2004	QT10A	Lớp 1	Lớp 1	Lớp 1	Lớp 1	
6	1101081436	Chu Thị Phương	Anh	18/06/2005	TM11A	Lớp 1	Lớp 1	Lớp 1	Lớp 1	
7	0901010500	Đặng Hoàng Quý	Anh	27/10/2003	NH9A	Lớp 1			Lớp 1	
8	1101021258	Đặng Trần Tuấn	Anh	20/01/2005	KD11C	Lớp 1	Lớp 1	Lớp 1	Lớp 1	
9	1101020913	Đỗ Vũ Quỳnh	Anh	23/11/2005	KD11A	Lớp 1	Lớp 1	Lớp 1	Lớp 1	
10	1101021260	Dương Phương	Anh	10/12/2005	KD11B	Lớp 1	Lớp 1	Lớp 1	Lớp 1	
11	0901030245	Hoàng Phương	Anh	19/11/2002	QM11A	Lớp 1	Lớp 1	Lớp 1	Lớp 1	
12	1101020013	Hoàng Thị Lan	Anh	24/09/2005	KD11C	Lớp 1	Lớp 1	Lớp 1	Lớp 1	
13	1101060914	Hoàng Thị Minh	Anh	04/04/2005	KA11A	Lớp 1	Lớp 1	Lớp 1	Lớp 1	
14	1101031429	Lê Hải	Anh	17/08/2005	QT11A	Lớp 1	Lớp 1	Lớp 1	Lớp 1	
15	1101030469	Lê Quang	Anh	23/10/2005	QT11A	Lớp 1	Lớp 1	Lớp 1	Lớp 1	
16	1001021472	Lục Thảo	Anh	29/02/2004	KD10A	Lớp 1	Lớp 1	Lớp 1	Lớp 1	
17	1101010765	Lương Ngọc	Anh	28/05/2005	TC11A	Lớp 1	Lớp 1	Lớp 1	Lớp 1	
18	1001021417	Lưu Thị Quỳnh	Anh	17/08/2004	KD10G	Lớp 1	Lớp 1	Lớp 1	Lớp 1	
19	1001011441	Nguyễn Đào Vi	Anh	22/09/2001	TC10B			Lớp 1	Lớp 1	
20	1001030473	Nguyễn Đức	Anh	19/05/2004	QT10A			Lớp 1	Lớp 1	
21	1101071115	Nguyễn Gia Tuấn	Anh	13/12/2005	QL11A	Lớp 1	Lớp 1	Lớp 1	Lớp 1	
22	1001030475	Nguyễn Hải	Anh	08/07/2004	QM10B			Lớp 1	Lớp 1	
23	1001020037	Nguyễn Hoàng	Anh	03/01/2004	KD10G	Lớp 1	Lớp 1	Lớp 1	Lớp 1	
24	1001060348	Nguyễn Hoàng	Anh	26/09/2004	KA10A			Lớp 1	Lớp 1	270
25	1101020017	Nguyễn Kim Hoàng	Anh	18/08/2005	KD11G	Lớp 1	Lớp 1	Lớp 1	Lớp 1	
26	1001020931	Nguyễn Minh	Anh	09/07/2004	KD10A		Lớp 1	Lớp 1	Lớp 1	
27	1001010750	Nguyễn Ngọc	Anh	20/11/2004	TC10B	Lớp 1	Lớp 1	Lớp 1	Lớp 1	
28	1101021343	Nguyễn Quỳnh	Anh	13/09/2005	KD11B	Lớp 1	Lớp 1	Lớp 1	Lớp 1	
29	1001030481	Nguyễn Thành Nam	Anh	31/12/2004	QM10A	Lớp 1	Lớp 1	Lớp 1	Lớp 1	
30		nguyễn thị	Anh			Lớp 1	Lớp 1	Lớp 1	Lớp 1	
31	1101020022	Nguyễn Thị Hải	Anh	02/06/2005	KD11C	Lớp 1	Lớp 1	Lớp 1	Lớp 1	
32	0901020733	Nguyễn Thị Kiều	Anh	22/11/2003	KD9E	Lớp 1	Lớp 1	Lớp 1	Lớp 1	
33	0901020573	Nguyễn Thị Lan	Anh	04/02/2003	KD9G	Lớp 1	Lớp 1	Lớp 1		
34	1001020044	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	03/01/2003	KD10A	Lớp 1	Lớp 1	Lớp 1	Lớp 1	
35	1001060349	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	12/11/2004	KA10A		Lớp 1		Lớp 1	270

DANH SÁCH LỚP ÔN THI CHUẨN ĐẦU RA NGOẠI NGỮ - ĐỢT 2 NĂM 2025

TT	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Nghe	Nói	Đọc	Viết	Ghi chú
36	1001020045	Nguyễn Thị Phương	Anh	06/08/2004	KD10B	Lớp 1	Lớp 1	Lớp 1	Lớp 1	
37	1101060336	Nguyễn Thị Phương	Anh	13/10/2005	KA11A	Lớp 1	Lớp 1	Lớp 1	Lớp 1	
38	0901030282	Nguyễn Thị Vân	Anh	13/10/2003	QM9A	Lớp 1	Lớp 1	Lớp 1	Lớp 1	
39	1001020048	Nguyễn Thị Vân	Anh	26/01/2004	KD10G	Lớp 1	Lớp 1	Lớp 1		
40	1101081095	Nguyễn Trung	Anh	27/11/2005	TM11A	Lớp 1	Lớp 1	Lớp 1	Lớp 1	
41	1001010753	Nguyễn Tuấn	Anh	30/10/2004	TC10A				Lớp 1	
42	1001020050	Nguyễn Việt	Anh	23/08/2004	KD10D		Lớp 1		Lớp 1	
43	1001020485	Nông Thị Thục	Anh	23/08/2004	KD10G	Lớp 1	Lớp 1	Lớp 1	Lớp 1	
44	1101020026	Phạm Hoàng Hà	Anh	08/07/2005	KD11C	Lớp 1	Lớp 1	Lớp 1	Lớp 1	
45	1101020027	Phạm Lan	Anh	16/04/2005	KD11B	Lớp 1	Lớp 1	Lớp 1	Lớp 1	
46	1001010754	Phạm Mai Quỳnh	Anh	11/06/2004	TC10B	Lớp 1	Lớp 1	Lớp 1	Lớp 1	
1	1101030483	Phạm Thị Nguyệt	Anh	13/02/2005	QT11A	Lớp 2	Lớp 2	Lớp 2	Lớp 2	
2	1001020053	Ta Tuấn	Anh	28/08/2004	KD11B	Lớp 2	Lớp 2	Lớp 2	Lớp 2	
3	1101020032	Trương Thị Mai	Anh	11/09/2005	KD11C	Lớp 2	Lớp 2	Lớp 2	Lớp 2	
4	1101030491	Vũ Duy	Anh	07/02/2003	QT11B	Lớp 2	Lớp 2	Lớp 2	Lớp 2	
5	1001030488	Vũ Hồng	Anh	12/11/2004	QM10A	Lớp 2	Lớp 2	Lớp 2	Lớp 2	
6	1001030489	Vũ Quỳnh	Anh	28/11/2004	QM10B	Lớp 2	Lớp 2	Lớp 2	Lớp 2	
7	1001030494	Đoàn Thị Ngọc	Ánh	01/02/2004	QT10A	Lớp 2	Lớp 2	Lớp 2	Lớp 2	
8	0901020186	Ngô Thị Ngọc	Ánh	07/04/2003	KD10E	Lớp 2		Lớp 2	Lớp 2	
9	1101030495	Ngô Thị Nguyệt	Ánh	05/11/2005	QT11A	Lớp 2	Lớp 2	Lớp 2	Lớp 2	
10	1001031198	Nguyễn Thị Hồng	Ánh	14/04/2004	QT10A	Lớp 2	Lớp 2	Lớp 2	Lớp 2	
11	1101020927	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	10/04/2005	KD11C	Lớp 2	Lớp 2	Lớp 2	Lớp 2	
12	1101081405	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	25/02/2004	TM11A	Lớp 2	Lớp 2	Lớp 2	Lớp 2	
13	1001020061	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	24/07/2004	KD10H	Lớp 2	Lớp 2	Lớp 2	Lớp 2	
14	1101020041	Phạm Ngọc	Ánh	30/08/2005	KD11C	Lớp 2	Lớp 2	Lớp 2	Lớp 2	
15	1001020063	Phạm Thị Ngọc	Ánh	21/07/2004	KD10B	Lớp 2	Lớp 2	Lớp 2	Lớp 2	
16	1001020065	Trần Ngọc	Ánh	17/09/2004	KD10G		Lớp 2	Lớp 2	Lớp 2	
17	1101030500	Nguyễn Đức Tùng	Bách	02/12/2005	QT11A	Lớp 2	Lớp 2	Lớp 2	Lớp 2	
18	1001081106	Đặng Đình Gia	Bảo	10/06/2004	TM10A	Lớp 2	Lớp 2	Lớp 2	Lớp 2	

DANH SÁCH LỚP ÔN THI CHUẨN ĐẦU RA NGOẠI NGỮ - ĐỢT 2 NĂM 2025

TT	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Nghe	Nói	Đọc	Viết	Ghi chú
19	1101030502	Phạm Ngọc	Biên	30/03/2005	QT11B	Lớp 2	Lớp 2	Lớp 2	Lớp 2	
20	1204020001	Nguyễn Thị	Biển	16/08/1987	LT12A	Lớp 2	Lớp 2	Lớp 2	Lớp 2	
21	1101031438	Lê Thanh	Bình	06/08/2005	QT11A	Lớp 2	Lớp 2	Lớp 2	Lớp 2	
22	1001031623	Nguyễn Văn	Bình	12/08/2004	QM10A	Lớp 2	Lớp 2	Lớp 2	Lớp 2	
23	1101020045	Phạm Thanh	Bình	11/11/2005	KD11G	Lớp 2	Lớp 2	Lớp 2	Lớp 2	
24	1001060351	Vũ Hà Thanh	Bình	10/11/2004	KA10A		Lớp 2	Lớp 2	Lớp 2	
25	1101080387	Nguyễn Tiến	Bộ	20/05/2005	TM11A	Lớp 2	Lớp 2	Lớp 2	Lớp 2	
26	0610110488	Trần Trọng	Cảnh	21-06-2000	TC6A	Lớp 2	Lớp 2	Lớp 2	Lớp 2	
27	1101020932	Đinh Thị	Châm	25/11/2005	KD11G	Lớp 2	Lớp 2	Lớp 2	Lớp 2	
28	1204020002	Nguyễn Bá	Chắt	16/01/1985	LT12A	Lớp 2	Lớp 2	Lớp 2	Lớp 2	
29	1101060337	Hoàng Minh	Châu	27/10/2005	KA11A	Lớp 2	Lớp 2	Lớp 2	Lớp 2	
30	1001080387	Nguyễn Hà	Châu	19/12/2004	TM10A	Lớp 2	Lớp 2	Lớp 2	Lớp 2	
31	1001020896	Trương Minh	Châu	20/08/2004	KD10H	Lớp 2	Lớp 2	Lớp 2	Lớp 2	
32	1001020073	Hà Linh	Chi	17/12/2004	KD10A	Lớp 2		Lớp 2	Lớp 2	345
33	1001021422	Nghiêm Quỳnh	Chi	29/02/2004	KD10H	Lớp 2	Lớp 2	Lớp 2	Lớp 2	
34	1001020499	Nguyễn Thị Bảo	Chi	08/09/2004	KD10D		Lớp 2	Lớp 2	Lớp 2	
35	1001020074	Nguyễn Thị Khánh	Chi	19/11/2004	KD10G	Lớp 2	Lớp 2	Lớp 2	Lớp 2	
36	1001020947	Nguyễn Thị Lê	Chi	05/07/2004	KD10G	Lớp 2	Lớp 2	Lớp 2	Lớp 2	
37	1001020075	Nguyễn Thị Mai	Chi	24/09/2004	KD10C	Lớp 2	Lớp 2	Lớp 2	Lớp 2	
38	1001031204	Nguyễn Thị Minh	Chi	08/03/2004	QT10A	Lớp 2	Lớp 2	Lớp 2	Lớp 2	
39	0901070485	Phạm Khánh	Chi	13/10/2003	QL9A	Lớp 2	Lớp 2	Lớp 2	Lớp 2	
40	0901020657	Phạm Linh	Chi	27/12/2003	KD10D	Lớp 2		Lớp 2	Lớp 2	
41	1101060048	Phạm Phương	Chi	09/11/2005	KA11A	Lớp 2	Lớp 2	Lớp 2	Lớp 2	
42	1001011760	Phan Hạnh	Chi	13/09/2003	TC10A	Lớp 2	Lớp 2	Lớp 2	Lớp 2	
43	0710310203	Vũ Đức	Chính	22/11/2001	QT7B	Lớp 2	Lớp 2	Lớp 2	Lớp 2	
44	1001030949	Hoàng Thanh	Chúc	21/12/2004	QT10A	Lớp 2	Lớp 2	Lớp 2	Lớp 2	
45	1001011387	Nguyễn Thị	Chuyên	09/03/2004	TC10A		Lớp 2		Lớp 2	
46	1001030505	Phan Thành	Công	02/01/2004	QT10B		Lớp 2	Lớp 2	Lớp 2	
1	1207020020	Lê Thành	Cương	24/08/1986	LT12A	Lớp 3	Lớp 3	Lớp 3	Lớp 3	
2	1001010757	Hán Mạnh	Cường	17/05/2004	TC10B	Lớp 3	Lớp 3	Lớp 3	Lớp 3	
3	1203020003	Hoàng Văn	Cường	17/02/1994	LT12A	Lớp 3	Lớp 3	Lớp 3	Lớp 3	
4	0901080375	Phạm Tiến	Cường	16/03/2003	TM9A	Lớp 3	Lớp 3	Lớp 3	Lớp 3	
5	1204020004	Trần Trọng	Đài	09/01/2003	LT12A	Lớp 3	Lớp 3	Lớp 3	Lớp 3	
6	1101060338	Phạm Ngọc	Đại	09/03/2005	KA11A	Lớp 3	Lớp 3	Lớp 3	Lớp 3	
7	1001020080	Hoàng Anh	Đào	24/10/2002	KD10C	Lớp 3	Lớp 3	Lớp 3	Lớp 3	
8	1101020054	Nguyễn Thị Anh	Đào	02/01/2005	KD11C	Lớp 3	Lớp 3	Lớp 3	Lớp 3	

DANH SÁCH LỚP ÔN THI CHUẨN ĐẦU RA NGOẠI NGỮ - ĐỢT 2 NĂM 2025

TT	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Nghe	Nói	Đọc	Viết	Ghi chú
9	1101060339	Nguyễn Thị Hồng	Đào	20/11/2005	KA11A	Lớp 3	Lớp 3	Lớp 3	Lớp 3	
10	1001030510	Đỗ Tiên	Đạt	30/06/2004	QM10A	Lớp 3	Lớp 3	Lớp 3	Lớp 3	
11	1101031165	Lê Thành	Đạt	26/02/2004	QT11B	Lớp 3	Lớp 3	Lớp 3	Lớp 3	
12	1101020511	Lộc Thành	Đạt	13/09/2005	KD11D	Lớp 3	Lớp 3	Lớp 3	Lớp 3	
13	1001010762	Nguyễn Tiến	Đạt	26/05/2004	TC10A	Lớp 3	Lớp 3	Lớp 3	Lớp 3	
14	1101030340	Vũ Tiên	Đạt	20/10/2005	QM11A	Lớp 3	Lớp 3	Lớp 3	Lớp 3	
15	1001020950	Đặng Ngọc	Diễm	21/12/2004	KD10G	Lớp 3	Lớp 3		Lớp 3	
16	1101020058	Nguyễn Thị	Diễm	03/03/2005	KD11B	Lớp 3	Lớp 3	Lớp 3	Lớp 3	
17	1001030515	Mai Hồ Ngọc	Diệp	24/11/2004	QT10A		Lớp 3	Lớp 3	Lớp 3	
18	1001030517	Nguyễn Hoàng	Diệu	27/01/2004	QT10B	Lớp 3	Lớp 3	Lớp 3	Lớp 3	
19	1001010081	Phạm Thị	Dịu	06/02/2004	NH10A	Lớp 3	Lớp 3	Lớp 3	Lớp 3	
20	1001020082	Vũ Thị	Dịu	10/07/2004	KD10H	Lớp 3	Lớp 3	Lớp 3	Lớp 3	
21	1101020062	Đỗ Thị Hồng	Doan	08/12/2005	KD11G	Lớp 3	Lớp 3	Lớp 3	Lớp 3	
22	1001011687	Đặng Hà	Đông	01/12/2004	TC10B	Lớp 3	Lớp 3	Lớp 3	Lớp 3	
23	1101031168	Nguyễn Thắng	Đồng	23/08/2005	QT11A	Lớp 3	Lớp 3	Lớp 3	Lớp 3	
24	1101011733	Khuong Minh	Đức	11/09/2004	TC11A	Lớp 3	Lớp 3	Lớp 3	Lớp 3	500
25	0810120557	Vũ Khánh	Đức	05/11/2002	NH8A	Lớp 3	Lớp 3	Lớp 3	Lớp 3	
26	1001010767	Nguyễn Mỹ	Dung	11/11/2004	TC10A	Lớp 3	Lớp 3	Lớp 3	Lớp 3	
27	1101020066	Nguyễn Thanh	Dung	31/12/2005	KD11C	Lớp 3	Lớp 3	Lớp 3	Lớp 3	
28	1001020087	Nguyễn Thị Thanh	Dung	17/03/2004	KD10C	Lớp 3	Lớp 3	Lớp 3	Lớp 3	
29	1101030519	Nguyễn Anh	Dũng	20/12/2005	QT11A	Lớp 3	Lớp 3	Lớp 3	Lớp 3	
30	1101061075	Phùng Xuân Tấn	Dũng	15/02/2005	KA11A	Lớp 3	Lớp 3	Lớp 3	Lớp 3	
31	1001020092	Đào Thị Thùy	Dương	05/11/2004	KD10A		Lớp 3	Lớp 3	Lớp 3	
32	1001030528	Đào Thùy	Dương	21/11/2004	QM10A	Lớp 3	Lớp 3	Lớp 3	Lớp 3	
33	1001040910	Hoàng Vũ	Dương	09/08/2004	CT10A	Lớp 3	Lớp 3	Lớp 3	Lớp 3	
34	1101021076	Lê Thùy	Dương	16/10/2005	KD11E	Lớp 3	Lớp 3	Lớp 3	Lớp 3	
35	1101020070	Ninh Thị Thùy	Dương	25/05/2005	KD11B	Lớp 3	Lớp 3	Lớp 3	Lớp 3	
36	1101020071	Phạm Thị Thùy	Dương	05/12/2005	KD11B	Lớp 3	Lớp 3	Lớp 3	Lớp 3	

DANH SÁCH LỚP ÔN THI CHUẨN ĐẦU RA NGOẠI NGỮ - ĐỢT 2 NĂM 2025

TT	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Nghe	Nói	Đọc	Viết	Ghi chú
37	1101010801	Vũ Thùy	Dương	26/08/2005	TC11A	Lớp 3	Lớp 3	Lớp 3	Lớp 3	
38	1001030531	Đoàn Quang	Duy	29/12/2004	QT10B	Lớp 3	Lớp 3	Lớp 3	Lớp 3	
39	1101030526	Nguyễn Đức	Duy	09/07/2005	QT11B	Lớp 3	Lớp 3	Lớp 3	Lớp 3	
40	1101061077	Trần Khánh	Duy	10/07/2005	KA11A	Lớp 3	Lớp 3	Lớp 3	Lớp 3	
41	1101030529	Trần Văn	Duy	23/10/2003	QT11B	Lớp 3	Lớp 3	Lớp 3	Lớp 3	
42	1101030530	Đoàn Thị Mỹ	Duyên	24/03/2005	QT11A	Lớp 3	Lớp 3	Lớp 3	Lớp 3	
43	1101070433	Lý Thị Mai	Duyên	03/09/2005	TM11A	Lớp 3	Lớp 3	Lớp 3	Lớp 3	
44	1101020073	Bùi Vũ Thùy	Giang	19/08/2005	KD11B	Lớp 3	Lớp 3	Lớp 3	Lớp 3	
45	1001021408	Cao Thị	Giang	19/10/2004	KD10B		Lớp 3		Lớp 3	
46	1101020075	Đào Thị Hương	Giang	21/07/2005	KD11C	Lớp 3	Lớp 3	Lớp 3	Lớp 3	
1	1001040010	Nguyễn Đình Trường	Giang	30/05/2004	CT10A	Lớp 4	Lớp 4	Lớp 4	Lớp 4	
2	1101031412	Nguyễn Nam	Giang	04/03/2005	QT11A	Lớp 4	Lớp 4	Lớp 4	Lớp 4	
3	1001020960	Phạm Hương	Giang	20/05/2004	KD10G		Lớp 4		Lớp 4	
4	1101020535	Trần Thị Hương	Giang	02/01/2005	KD11B	Lớp 4	Lớp 4	Lớp 4	Lớp 4	
5	1001031217	Vương Thùy	Giang	11/09/2004	QM10A	Lớp 4	Lớp 4	Lớp 4	Lớp 4	
6	1001020102	Đặng Thị Thu	Hà	28/09/2004	KD10A	Lớp 4		Lớp 4	Lớp 4	
7	1101010808	Lê Ngân	Hà	22/11/2005	TC11A	Lớp 4	Lớp 4	Lớp 4	Lớp 4	
8	1101021339	Lê Thị Thu	Hà	21/11/2005	KD11D	Lớp 4	Lớp 4	Lớp 4	Lớp 4	
9	1101020393	Lê Thị Thu	Hà	21/11/2005	KD11A	Lớp 4	Lớp 4	Lớp 4	Lớp 4	
10	1101020948	Lê Thị Thu	Hà	01/07/2005	KD11C	Lớp 4	Lớp 4	Lớp 4	Lớp 4	
11	1001080388	Nguyễn Thị	Hà	04/08/2004	TM10A	Lớp 4	Lớp 4	Lớp 4	Lớp 4	
12	1101020083	Nguyễn Thị Thu	Hà	21/06/2005	KD11G	Lớp 4	Lớp 4	Lớp 4	Lớp 4	
13	0901020116	Nguyễn Thu	Hà	24/05/2003	KD9C	Lớp 4	Lớp 4	Lớp 4	Lớp 4	
14	1101020809	Nguyễn Thu	Hà	14/01/2005	KD11D	Lớp 4	Lớp 4	Lớp 4	Lớp 4	
15	1001031468	Nguyễn Thu	Hà	17/08/2003	QT10A				Lớp 4	
16	1001060355	Nguyễn Việt	Hà	12/07/2004	KA10A		Lớp 4	Lớp 4	Lớp 4	
17	0901020902	Phạm Ngọc	Hà	09/10/2003	KD9D	Lớp 4	Lớp 4	Lớp 4	Lớp 4	
18	1101080394	Trần Thị Việt	Hà	22/08/2005	TM11A	Lớp 4	Lớp 4	Lớp 4	Lớp 4	
19	1101030538	Đặng Hoàng	Hải	09/05/2005	QT11A	Lớp 4	Lớp 4	Lớp 4	Lớp 4	
20	1001020111	Nguyễn Đức	Hải	23/09/2004	KD10A	Lớp 4	Lớp 4	Lớp 4	Lớp 4	
21	1101030539	Nguyễn Duy	Hải	02/09/2005	QT11B	Lớp 4	Lớp 4	Lớp 4	Lớp 4	
22	1001010780	Nguyễn Minh	Hải	26/04/2004	TC10B	Lớp 4	Lớp 4	Lớp 4	Lớp 4	
23	1101020088	Trần Đình	Hải	09/03/2005	KD11C	Lớp 4	Lớp 4	Lớp 4	Lớp 4	
24	1101010811	Đỗ Thị Thúy	Hằng	12/01/2005	TC11A	Lớp 4	Lớp 4	Lớp 4	Lớp 4	
25	1101031359	Lê Thị Diễm	Hằng	17/11/2005	QT11A	Lớp 4	Lớp 4	Lớp 4	Lớp 4	
26	1101080396	Nguyễn Minh	Hằng	02/07/2005	TM11A	Lớp 4	Lớp 4	Lớp 4	Lớp 4	

DANH SÁCH LỚP ÔN THI CHUẨN ĐẦU RA NGOẠI NGỮ - ĐỢT 2 NĂM 2025

TT	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Nghe	Nói	Đọc	Viết	Ghi chú
27	1101010812	Nguyễn Thu	Hằng	10/10/2005	TC11A	Lớp 4	Lớp 4	Lớp 4	Lớp 4	
28	1101020093	Phạm Thu	Hằng	23/09/2005	KD11D	Lớp 4	Lớp 4	Lớp 4	Lớp 4	
29	1001020116	Lê Thị	Hạnh	29/09/2004	KD10E	Lớp 4	Lớp 4	Lớp 4	Lớp 4	
30	1205020005	Luyện Thị Hồng	Hạnh	19/07/2000	LT12A	Lớp 4	Lớp 4	Lớp 4	Lớp 4	
31	1001010437	Vũ Hồng	Hạnh	29/05/2004	TC10A		Lớp 4		Lớp 4	
32	1101030543	Nguyễn Thị	Hảo	24/03/2005	QT11A	Lớp 4	Lớp 4	Lớp 4	Lớp 4	
33	1001011348	Lộc Tuyết	Hậu	27/08/2004	TC10B				Lớp 4	
34	1001020119	Nguyễn Thị	Hậu	12/12/2004	KD10H	Lớp 4	Lớp 4	Lớp 4	Lớp 4	
35	1101020096	Đinh Thúy	Hiền	21/05/2005	KD11D	Lớp 4	Lớp 4	Lớp 4	Lớp 4	
36	1001020120	Dương Thị	Hiền	20/07/2004	KD10B	Lớp 4	Lớp 4	Lớp 4	Lớp 4	
37	1101030544	Lê Thị Thu	Hiền	08/07/2005	QM11A	Lớp 4	Lớp 4	Lớp 4	Lớp 4	
38	1001081112	Lương Thảo	Hiền	25/04/2004	TM10A	Lớp 4	Lớp 4	Lớp 4	Lớp 4	
39	1001030552	Nguyễn Thị Thu	Hiền	22/05/2004	QT10B	Lớp 4	Lớp 4	Lớp 4	Lớp 4	
40	1101060345	Vũ Thị Thu	Hiền	06/06/2005	KA11A	Lớp 4	Lớp 4	Lớp 4	Lớp 4	
41	1001020123	Nguyễn Minh	Hiền	27/11/2004	KD10C	Lớp 4	Lớp 4	Lớp 4	Lớp 4	
42	1001031635	Nguyễn Thế	Hiệp	24/04/2001	QM10B		Lớp 4		Lớp 4	
43	1101040373	Dương Đức	Hiếu	16/02/2005	CT11A	Lớp 4	Lớp 4	Lớp 4	Lớp 4	
44	1001031636	Hà Trung	Hiếu	28/11/2004	QM10A	Lớp 4	Lớp 4	Lớp 4	Lớp 4	
45	1001010783	Lương Trung	Hiếu	09/09/2004	TC10A	Lớp 4	Lớp 4	Lớp 4	Lớp 4	
46	1101030550	Trần Minh	Hiếu	17/09/2005	QM11A	Lớp 4	Lớp 4	Lớp 4	Lớp 4	
1	1204020006	Chu Thị	Hoa	19/11/2005	LT12A	Lớp 5	Lớp 5	Lớp 5	Lớp 5	
2	0901010544	Đặng Quỳnh	Hoa	08/10/2003	TC9A	Lớp 5	Lớp 5	Lớp 5	Lớp 5	
3	1204020007	Kiều Thị	Hoa	20/08/1991	LT12A	Lớp 5	Lớp 5	Lớp 5	Lớp 5	
4	1101030551	Nguyễn Phương	Hoa	24/04/2005	QM11A	Lớp 5	Lớp 5	Lớp 5	Lớp 5	
5	1001020127	Nguyễn Phương	Hoa	22/10/2004	KD10D	Lớp 5	Lớp 5	Lớp 5	Lớp 5	
6	1101020962	Nguyễn Quỳnh	Hoa	19/04/2005	KD11D	Lớp 5	Lớp 5	Lớp 5	Lớp 5	
7	1101020100	Nguyễn Thị	Hoa	22/09/2005	KD11B	Lớp 5	Lớp 5	Lớp 5	Lớp 5	
8	1001020972	Trương Thị Hồng	Hoa	01/11/2004	KD10E	Lớp 5		Lớp 5	Lớp 5	

DANH SÁCH LỚP ÔN THI CHUẨN ĐẦU RA NGOẠI NGỮ - ĐỢT 2 NĂM 2025

TT	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Nghe	Nói	Đọc	Viết	Ghi chú
9	1101020963	Vũ Thanh	Hoa	21/11/2005	KD11A	Lớp 5	Lớp 5	Lớp 5	Lớp 5	
10	1001030560	Đặng Quang	Hoá	06/02/2004	QT10B	Lớp 5		Lớp 5	Lớp 5	
11	1001030562	Lê Phương	Hòa	29/07/2004	QM10A	Lớp 5	Lớp 5	Lớp 5	Lớp 5	
12	1101020101	Nguyễn Thị Thanh	Hòa	18/04/2005	KD11C	Lớp 5	Lớp 5	Lớp 5	Lớp 5	
13	1001021529	Trần Thị Thu	Hòa	13/09/2004	KD10G	Lớp 5	Lớp 5	Lớp 5	Lớp 5	
14	1001031637	Lê Thu	Hoài	30/12/2004	CT10A	Lớp 5	Lớp 5	Lớp 5	Lớp 5	
15	1001020133	Đường Huy	Hoàng	10/01/2004	KD10C	Lớp 5	Lớp 5	Lớp 5	Lớp 5	
16	1001031638	Lê Việt	Hoàng	12/07/2003	QT10A	Lớp 5	Lớp 5	Lớp 5	Lớp 5	
17	1101060347	Nguyễn Hữu	Hoàng	21/06/2005	KA11A	Lớp 5	Lớp 5	Lớp 5	Lớp 5	
18	1001030564	Nguyễn Huy	Hoàng	12/10/2004	QM10B	Lớp 5	Lớp 5	Lớp 5	Lớp 5	
19	1001080393	Bùi Minh	Hồng	05/10/2004	TM10A	Lớp 5	Lớp 5	Lớp 5	Lớp 5	
20	1101030554	Hồ Thị	Hồng	07/07/2005	QM11A	Lớp 5	Lớp 5	Lớp 5	Lớp 5	
21	1101030437	Lê Kim	Huệ	06/09/2005	QT11A	Lớp 5	Lớp 5	Lớp 5	Lớp 5	
22	1101030559	Phạm Thị	Huệ	12/10/2005	QT11A	Lớp 5	Lớp 5	Lớp 5	Lớp 5	
23	1001040011	Phạm Thị Kim	Huệ	19/05/2004	CT10A	Lớp 5	Lớp 5	Lớp 5	Lớp 5	
24	0810310879	Trần Thu	Huệ	25/09/2002	QT8A	Lớp 5	Lớp 5	Lớp 5	Lớp 5	
25	1001020976	Hoàng Tuấn	Hùng	17/08/2003	KD10A	Lớp 5	Lớp 5	Lớp 5	Lớp 5	
26	1101030561	Phùng Tuấn	Hùng	13/09/2005	QT11A	Lớp 5	Lớp 5	Lớp 5	Lớp 5	
27	1101020968	Đỗ Thị Lan	Hương	12/03/2005	KD11B	Lớp 5	Lớp 5	Lớp 5	Lớp 5	
28	1101031731	Đỗ Thu	Hương	07/08/2005	QT11A	Lớp 5	Lớp 5	Lớp 5	Lớp 5	
29	1207020021	Hà Thị Mai	Hương	23/11/1980	LT12A	Lớp 5	Lớp 5	Lớp 5	Lớp 5	
30	0901010434	Hoàng Thị Quỳnh	Hương	08/02/2003	TC9A	Lớp 5	Lớp 5	Lớp 5	Lớp 5	
31	1101031196	Khổng Thị Lan	Hương	09/04/2005	QT11A	Lớp 5	Lớp 5	Lớp 5	Lớp 5	
32	1101030564	Lê Mai	Hương	11/08/2005	QT11B	Lớp 5	Lớp 5	Lớp 5	Lớp 5	
33	1001021403	Ngô Thị	Hương	24/05/2004	KD10B		Lớp 5	Lớp 5	Lớp 5	
34	1101020969	Nguyễn Lan	Hương	19/04/2005	KD11A	Lớp 5	Lớp 5	Lớp 5	Lớp 5	
35	1001021419	Nguyễn Thị Diệu	Hương	29/07/2004	KD10D	Lớp 5	Lớp 5	Lớp 5	Lớp 5	
36	1101020112	Nguyễn Thị Thanh	Hương	21/09/2005	KD11C	Lớp 5	Lớp 5	Lớp 5	Lớp 5	
37	0901020879	Nguyễn Thu	Hương	27/03/2003	KD9G	Lớp 5	Lớp 5	Lớp 5	Lớp 5	
38	1101010828	Phùng Thị Thu	Hương	13/12/2005	TC11A	Lớp 5	Lớp 5	Lớp 5	Lớp 5	
39	1001060362	Trịnh Thiên	Hương	01/09/2004	KA11A	Lớp 5	Lớp 5	Lớp 5	Lớp 5	
40	1205020008	Vũ Thị Thu	Hương	02/03/1997	LT12A	Lớp 5	Lớp 5	Lớp 5	Lớp 5	
41	0901030093	Nguyễn Thị	Hường	30/01/2003	QT9B		Lớp 5	Lớp 5	Lớp 5	
42	1101020114	Phạm Thúy	Hường	02/10/2005	KD11E	Lớp 5	Lớp 5	Lớp 5	Lớp 5	
43	1001020145	Cao Đức	Huy	28/08/2004	KD10C	Lớp 5	Lớp 5	Lớp 5	Lớp 5	
44	1001080572	Nguyễn Hoàng	Huy	30/09/2004	TM10A	Lớp 5	Lớp 5	Lớp 5	Lớp 5	

DANH SÁCH LỚP ÔN THI CHUẨN ĐẦU RA NGOẠI NGỮ - ĐỢT 2 NĂM 2025

TT	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Nghe	Nói	Đọc	Viết	Ghi chú
45	1001070441	Nguyễn Quốc	Huy	22/08/1997	QL10A	Lớp 5	Lớp 5	Lớp 5	Lớp 5	
46	1101020568	Trần Quang	Huy	13/04/2005	KD11G	Lớp 5	Lớp 5	Lớp 5	Lớp 5	
1	0901030061	Vũ Quang	Huy	21/12/2003	QT9B	Lớp 6		Lớp 6		
2	1001030577	Bùi Thị Thanh	Huyền	24/03/2004	QT10A	Lớp 6	Lớp 6	Lớp 6	Lớp 6	
3	1101020972	Đào Thị Thanh	Huyền	16/09/2005	KD11A	Lớp 6	Lớp 6	Lớp 6	Lớp 6	
4	1101031198	Đỗ Chu Khánh	Huyền	15/01/2005	QT11A	Lớp 6	Lớp 6	Lớp 6	Lớp 6	
5	1101020116	Đỗ Thanh	Huyền	10/10/2005	KD11B	Lớp 6	Lớp 6	Lớp 6	Lớp 6	
6	1001030579	Đỗ Thanh	Huyền	31/03/2004	QT10A	Lớp 6	Lớp 6	Lớp 6	Lớp 6	
7	0901060692	Đỗ Thị Thu	Huyền	14/10/2003	KD9G	Lớp 6	Lớp 6	Lớp 6	Lớp 6	500
8	1101081104	Hoàng Thị	Huyền	22/07/2005	TM11A	Lớp 6	Lớp 6	Lớp 6	Lớp 6	
9	1101030441	Lưu Thị Thu	Huyền	26/11/2005	QT11B	Lớp 6	Lớp 6	Lớp 6	Lớp 6	
10	1001030582	Nguyễn Khánh	Huyền	26/10/2004	QM10B		Lớp 6	Lớp 6	Lớp 6	
11	1101080572	Nguyễn Ngọc	Huyền	15/11/2005	TM11A	Lớp 6	Lớp 6	Lớp 6	Lớp 6	
12	1101020121	Nguyễn Ngọc	Huyền	30/04/2005	KD11D	Lớp 6	Lớp 6	Lớp 6	Lớp 6	
13	1101030399	Nguyễn Thị	Huyền	28/06/2005	QT11A	Lớp 6	Lớp 6	Lớp 6	Lớp 6	
14	1101010834	Nguyễn Thị Khánh	Huyền	29/08/2005	TC11A	Lớp 6	Lớp 6	Lớp 6	Lớp 6	
15	1101021281	Nguyễn Thị Minh	Huyền	21/05/2005	KD11B	Lớp 6	Lớp 6	Lớp 6	Lớp 6	
16	1101010835	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	14/01/2005	TC11A	Lớp 6	Lớp 6	Lớp 6	Lớp 6	
17	1001030584	Nguyễn Thị Thu	Huyền	24/09/2004	QT10B		Lớp 6	Lớp 6		
18	1001030586	Phạm Ngọc	Huyền	23/01/2004	CT10A	Lớp 6	Lớp 6	Lớp 6	Lớp 6	
19	1001060366	Trần Khánh	Huyền	23/11/2004	KA10A			Lớp 6	Lớp 6	
20	0901030082	Nguyễn Văn	Khải	20/10/2003	QT9C		Lớp 6		Lớp 6	270
21	0901010293	Ma Tuấn	Khanh	20/06/2003	KD9G	Lớp 6	Lớp 6	Lớp 6	Lớp 6	
22	1101020130	Phạm Thị	Khánh	01/11/2005	KD11G	Lớp 6	Lớp 6	Lớp 6	Lớp 6	
23	0901010261	Nguyễn Năng	Khoa	16/03/2003	NH9A	Lớp 6	Lớp 6	Lớp 6	Lớp 6	
24	1001011693	Hoàng Văn	Khỏe	02/04/1996	NH10A	Lớp 6	Lớp 6	Lớp 6	Lớp 6	
25	1101041090	Đào Chí	Kiên	22/10/2004	CT11A	Lớp 6	Lớp 6	Lớp 6	Lớp 6	
26	1101071353	Đỗ Ngọc	Kiên	12/05/2005	QL11A	Lớp 6	Lớp 6	Lớp 6	Lớp 6	

DANH SÁCH LỚP ÔN THI CHUẨN ĐẦU RA NGOẠI NGỮ - ĐỢT 2 NĂM 2025

TT	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Nghe	Nói	Đọc	Viết	Ghi chú
27	1001010799	Phạm Duy	Kiên	14/12/2003	NH10A	Lớp 6	Lớp 6	Lớp 6	Lớp 6	
28	0901030370	Đặng Tuấn	Kiệt	09/12/2003	QT9B	Lớp 6	Lớp 6	Lớp 6	Lớp 6	
29	0901030265	Trịnh Xuân	Kỳ	05/11/2002	QM9B		Lớp 6			
30	1001011359	Nguyễn Thị	Lam	14/11/2004	TC10B		Lớp 6		Lớp 6	
31	1001010800	Nguyễn Hoàng	Lâm	07/02/2004	NH10A	Lớp 6	Lớp 6	Lớp 6	Lớp 6	
32	1001020157	Trần Thanh	Lâm	05/05/2004	KD10G	Lớp 6	Lớp 6	Lớp 6	Lớp 6	
33	1001021360	Bùi Thị Thu	Lan	09/07/2004	KD10A	Lớp 6	Lớp 6	Lớp 6	Lớp 6	
34	1001010803	Cao Ngọc	Lan	19/08/2004	TC10A		Lớp 6	Lớp 6		
35	1001020159	Đào Hoàng	Lan	15/11/2004	KD10B	Lớp 6	Lớp 6	Lớp 6	Lớp 6	
36	1101060350	Đỗ Thị	Lan	06/09/2005	KA11A	Lớp 6	Lớp 6	Lớp 6	Lớp 6	
37	1101030585	Lê Mai	Lan	20/09/2005	QM11A	Lớp 6	Lớp 6	Lớp 6	Lớp 6	
38	1101020135	Nguyễn Ngọc	Lan	10/09/2005	KD11D	Lớp 6	Lớp 6	Lớp 6	Lớp 6	
39	1001031250	Nguyễn Thị	Lan	20/07/2004	QT11B	Lớp 6	Lớp 6	Lớp 6	Lớp 6	
40	1101021205	Phạm Thị Ngọc	Lan	04/05/2005	KD11G	Lớp 6	Lớp 6	Lớp 6	Lớp 6	
41	0901020011	Phạm Thị Phương	Lan	25/09/2003	KD9B		Lớp 6	Lớp 6	Lớp 6	
42	1101080400	Trần Hoàng	Lan	22/07/2005	TM11A	Lớp 6	Lớp 6	Lớp 6	Lớp 6	
43	1001020997	Trần Thị Hương	Lan	08/05/2004	KD10E		Lớp 6	Lớp 6	Lớp 6	
44	0901080460	Nguyễn Thị Hoàng	Lê	16/09/2003	TM9A	Lớp 6	Lớp 6	Lớp 6	Lớp 6	
45	1101020587	Nguyễn Thị Quỳnh	Liên	12/09/2005	KD11A	Lớp 6	Lớp 6	Lớp 6	Lớp 6	
46	1101020980	Trần Thị Phương	Liên	23/10/2005	KD11B	Lớp 6	Lớp 6	Lớp 6	Lớp 6	
1	1101030588	Phan Thị	Liễu	31/12/2004	QT11A	Lớp 7	Lớp 7	Lớp 7	Lớp 7	
2	1101030589	Bùi Lê Phương	Linh	23/09/2004	QT11B	Lớp 7	Lớp 7	Lớp 7	Lớp 7	
3	1001020163	Đỗ Thị	Linh	31/03/2004	KD10E		Lớp 7		Lớp 7	
4	0901020863	Đỗ Thùy	Linh	08/04/2002	KD9K		Lớp 7		Lớp 7	
5	1001021442	Đoàn Khánh	Linh	15/01/2004	KD10C	Lớp 7	Lớp 7	Lớp 7	Lớp 7	
6	1001020367	Đoàn Khánh	Linh	03/04/2004	KD10G		Lớp 7		Lớp 7	270
7	1101020146	Lê Nguyễn Thùy	Linh	23/09/2005	KD11C	Lớp 7	Lớp 7	Lớp 7	Lớp 7	
8	1001030599	Lê Thị	Linh	15/01/2004	QM10A	Lớp 7	Lớp 7	Lớp 7	Lớp 7	
9	1001020168	Lê Thị Ngọc	Linh	10/11/2004	KD10C	Lớp 7	Lớp 7	Lớp 7	Lớp 7	
10	1001010809	Lê Thị Thùy	Linh	01/09/2004	NH10A	Lớp 7	Lớp 7	Lớp 7	Lớp 7	
11	1101080403	Lê Thùy	Linh	06/12/2005	TM11A	Lớp 7	Lớp 7	Lớp 7	Lớp 7	
12	1001081426	Lương Phương	Linh	07/09/2004	TM10A	Lớp 7	Lớp 7	Lớp 7	Lớp 7	
13	1101020149	Lương Thị Ngọc	Linh	22/08/2005	KD11B	Lớp 7	Lớp 7	Lớp 7	Lớp 7	
14	1001020601	Lưu Thùy	Linh	17/09/2004	KD10E		Lớp 7	Lớp 7	Lớp 7	
15	1204020022	Lý Thị Thùy	Linh	24/07/2003	LT12A	Lớp 7	Lớp 7	Lớp 7	Lớp 7	
16	1001010813	Nguyễn Hà	Linh	24/08/2004	NH10A	Lớp 7		Lớp 7	Lớp 7	

DANH SÁCH LỚP ÔN THI CHUẨN ĐẦU RA NGOẠI NGỮ - ĐỢT 2 NĂM 2025

TT	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Nghe	Nói	Đọc	Viết	Ghi chú
17	1001030604	Nguyễn Mai	Linh	10/08/2004	QM10A	Lớp 7	Lớp 7	Lớp 7	Lớp 7	
18	1101081348	Nguyễn Ngọc	Linh	24/06/2004	TM11A	Lớp 7	Lớp 7	Lớp 7	Lớp 7	
19	0901020099	Nguyễn Phương	Linh	04/10/2003	KD9E	Lớp 7	Lớp 7	Lớp 7	Lớp 7	
20	1001011363	Nguyễn Thảo	Linh	19/10/2003	TC10A	Lớp 7	Lớp 7	Lớp 7	Lớp 7	
21	0901030090	Nguyễn Thị Diệp	Linh	10/05/2002	QM9A	Lớp 7	Lớp 7	Lớp 7	Lớp 7	
22	1101020156	Nguyễn Thị Hải	Linh	28/08/2005	KD11E	Lớp 7	Lớp 7	Lớp 7	Lớp 7	
23	0901020570	Nguyễn Thị Khánh	Linh	28/08/2003	KD9G	Lớp 7	Lớp 7	Lớp 7	Lớp 7	
24	0810611743	Nguyễn Thị Khánh	Linh	19/08/2002	KA8A	Lớp 7	Lớp 7	Lớp 7	Lớp 7	
25	1101020986	Nguyễn Thị Khánh	Linh	23/04/2005	KD11A	Lớp 7	Lớp 7	Lớp 7	Lớp 7	
26	1101020158	Nguyễn Thị Ngọc	Linh	26/01/2005	KD11A	Lớp 7	Lớp 7	Lớp 7	Lớp 7	
27	0810210994	Nguyễn Thị Thùy	Linh	17/07/2002	KD8G	Lớp 7	Lớp 7	Lớp 7	Lớp 7	
28	1101080407	Nguyễn Thị Thùy	Linh	16/04/2005	TM11A	Lớp 7	Lớp 7	Lớp 7	Lớp 7	
29	1101030603	Nguyễn Thùy	Linh	23/03/2005	QT11A	Lớp 7	Lớp 7	Lớp 7	Lớp 7	
30	1001020177	Nguyễn Thùy	Linh	25/08/2004	KD10G		Lớp 7	Lớp 7	Lớp 7	
31	1001031258	Nguyễn Thùy	Linh	08/12/2004	QT10B		Lớp 7		Lớp 7	
32	1101020162	Phạm Thùy	Linh	07/03/2005	KD11C	Lớp 7	Lớp 7	Lớp 7	Lớp 7	
33	1101021381	Phạm Thùy	Linh	03/10/2005	KD11A	Lớp 7	Lớp 7	Lớp 7	Lớp 7	
34	1101020164	Trần Phương	Linh	07/04/2005	KD11C	Lớp 7	Lớp 7	Lớp 7	Lớp 7	
35	1101030606	Vũ Phương	Linh	31/12/2005	QT11B	Lớp 7	Lớp 7	Lớp 7	Lớp 7	
36	1001020182	Vũ Thùy	Linh	25/08/2004	KD10B	Lớp 7		Lớp 7	Lớp 7	
37	1101031371	Phạm Thị Hồng	Linh	11/12/2005	QT11A	Lớp 7	Lớp 7	Lớp 7	Lớp 7	
38	1101021345	Đỗ Thị Thanh	Loan	03/12/2005	KD11G	Lớp 7	Lớp 7	Lớp 7	Lớp 7	
39	1101020170	Nguyễn Minh	Loan	25/07/2005	KD11A	Lớp 7	Lớp 7	Lớp 7	Lớp 7	
40	1101020171	Nguyễn Thị Phương	Loan	03/07/2005	KD11B	Lớp 7	Lớp 7	Lớp 7	Lớp 7	
41	1101020172	Phạm Thị	Loan	05/02/2005	KD11G	Lớp 7	Lớp 7	Lớp 7	Lớp 7	
42	1101030608	Đào Văn	Lộc	19/11/2005	QT11A	Lớp 7	Lớp 7	Lớp 7	Lớp 7	
43	1001010815	Trịnh Văn	Lộc	13/10/2004	NH10A				Lớp 7	
44	1101030609	Ngô Gia	Lợi	23/10/2005	QT11B	Lớp 7	Lớp 7	Lớp 7	Lớp 7	

DANH SÁCH LỚP ÔN THI CHUẨN ĐẦU RA NGOẠI NGỮ - ĐỢT 2 NĂM 2025

TT	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Nghe	Nói	Đọc	Viết	Ghi chú
45	0901010878	Đinh Hoàng	Long	09/10/2003	NH9A	Lớp 7	Lớp 7	Lớp 7	Lớp 7	
46	1001010817	Mã Đức	Long	13/12/2004	TC10B	Lớp 7	Lớp 7	Lớp 7	Lớp 7	
1	1001071155	Nguyễn Hải	Long	22/06/2004	QL10A	Lớp 8	Lớp 8	Lớp 8	Lớp 8	
2	1101060351	Quyền Hồng	Lụa	03/11/2005	KA11A	Lớp 8	Lớp 8	Lớp 8	Lớp 8	
3	1001021010	Đỗ Ngọc Hương	Ly	25/09/2004	KD10D	Lớp 8	Lớp 8	Lớp 8	Lớp 8	
4	1101010174	Đỗ Phương	Ly	03/01/2005	TC11A	Lớp 8	Lớp 8	Lớp 8	Lớp 8	
5	0810210204	Lê Thị Cẩm	Ly	08/06/2002	KD8H	Lớp 8	Lớp 8	Lớp 8	Lớp 8	
6	1101020175	Nguyễn Cẩm	Ly	01/07/2005	KD11E	Lớp 8	Lớp 8	Lớp 8	Lớp 8	
7	1001010820	Nguyễn Khánh	Ly	18/06/2004	TC10B	Lớp 8	Lớp 8	Lớp 8	Lớp 8	
8	1001040013	Nguyễn Thị Khánh	Ly	25/08/2004	CT10A	Lớp 8	Lớp 8	Lớp 8	Lớp 8	
9	1101011288	Trần Khánh	Ly	15/11/2005	TC11A	Lớp 8	Lớp 8	Lớp 8	Lớp 8	
10	1101030616	Trần Thị Hương	Ly	26/01/2005	QT11A	Lớp 8	Lớp 8	Lớp 8	Lớp 8	
11	1101080410	Ta Thị	Lý	09/04/2005	TM11A	Lớp 8	Lớp 8	Lớp 8	Lớp 8	
12	1101010180	Chu Thị Hoàng	Mai	01/11/2005	TC11A	Lớp 8	Lớp 8	Lớp 8	Lớp 8	
13	1001041503	Chữ Thị Quỳnh	Mai	11/11/2004	CT10A	Lớp 8	Lớp 8	Lớp 8	Lớp 8	
14	1101020182	Đỗ Ngọc	Mai	17/08/2005	KD11E	Lớp 8	Lớp 8	Lớp 8	Lớp 8	
15	1101020621	Đỗ Thị Tuyết	Mai	26/11/2005	KD11A	Lớp 8	Lớp 8	Lớp 8	Lớp 8	
16	1001020191	Nguyễn Ngọc	Mai	09/08/2004	KD10H	Lớp 8	Lớp 8	Lớp 8	Lớp 8	
17	1001020192	Nguyễn Phan Thị Xu	Mai	21/12/2004	KD10B	Lớp 8		Lớp 8	Lớp 8	
18	1001020194	Nguyễn Thị Hoàng	Mai	11/08/2004	KD10H	Lớp 8	Lớp 8	Lớp 8	Lớp 8	
19	1101021349	Nguyễn Thị Ngọc	Mai	09/02/2005	KD11B	Lớp 8	Lớp 8	Lớp 8	Lớp 8	
20	1204020010	Nguyễn Thị Tuyết	Mai	06/07/1991	LT12A	Lớp 8	Lớp 8	Lớp 8	Lớp 8	
21	0901010036	Phùng Phương	Mai	28/06/2003	TC9A	Lớp 8	Lớp 8	Lớp 8	Lớp 8	
22	1101081108	Trần Thị Thanh	Mai	07/07/2005	TM11A	Lớp 8	Lớp 8	Lớp 8	Lớp 8	
23	1101061079	Đỗ Tuấn	Mạnh	01/05/2005	KA11A	Lớp 8	Lớp 8	Lớp 8	Lớp 8	
24	1001030626	Nguyễn Văn	Mạnh	04/04/2004	QT10A	Lớp 8	Lớp 8	Lớp 8	Lớp 8	
25	0901030595	Trần Cao	Mạnh	14/09/2003	QT9B		Lớp 8		Lớp 8	
26	0901030428	Âu Duy	Minh	18/06/2003	NH9A	Lớp 8	Lớp 8	Lớp 8	Lớp 8	
27	1001011453	Đào Ngọc	Minh	18/07/2004	TC10A	Lớp 8	Lớp 8	Lớp 8	Lớp 8	
28	1101031215	Đinh Thế	Minh	04/12/2005	QT11A	Lớp 8	Lớp 8	Lớp 8	Lớp 8	
29	1001021411	Đỗ Thị Ngọc	Minh	10/08/2004	KD10C	Lớp 8	Lớp 8	Lớp 8	Lớp 8	
30	1001020199	Nguyễn Chiêu	Minh	08/07/2004	KD10D	Lớp 8	Lớp 8	Lớp 8	Lớp 8	
31	1001020200	Nguyễn Đức	Minh	28/02/2004	KD10E		Lớp 8	Lớp 8	Lớp 8	
32	0901010056	Nguyễn Quang	Minh	16/01/2003	TC9A	Lớp 8	Lớp 8	Lớp 8	Lớp 8	
33	0810120528	Nguyễn Thái	Minh	09/05/2000	NH8A	Lớp 8	Lớp 8	Lớp 8	Lớp 8	
34	1001081117	Nguyễn Văn	Minh	03/07/2004	TM10A	Lớp 8	Lớp 8	Lớp 8	Lớp 8	

DANH SÁCH LỚP ÔN THI CHUẨN ĐẦU RA NGOẠI NGỮ - ĐỢT 2 NĂM 2025

TT	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Nghe	Nói	Đọc	Viết	Ghi chú
35	1101030627	Phạm Hồng	Minh	04/12/2005	QT11A	Lớp 8	Lớp 8	Lớp 8	Lớp 8	
36	1101010861	Vũ Đức	Minh	03/11/2005	NH11A	Lớp 8	Lớp 8	Lớp 8	Lớp 8	
37	1001020201	Vũ Quang	Minh	21/01/2004	KD10H				Lớp 8	
38	1101020190	Vũ Thị Nguyệt	Minh	11/10/2005	KD11D	Lớp 8	Lớp 8	Lớp 8	Lớp 8	
39	1101030629	Lường Thị	Mừng	18/01/2004	QT11B	Lớp 8	Lớp 8	Lớp 8	Lớp 8	
40	0610210240	Lưu Văn	Muôn	15-09-2000	KD6C	Lớp 8	Lớp 8	Lớp 8	Lớp 8	
41	1001010829	Nguyễn Trà	My	04/11/2004	NH10A	Lớp 8	Lớp 8	Lớp 8	Lớp 8	
42	1001010831	Đặng Xuân	Nam	23/11/2004	TC10B	Lớp 8	Lớp 8	Lớp 8	Lớp 8	
43	1001040918	Đào Duy	Nam	15/03/2004	CT10A	Lớp 8	Lớp 8	Lớp 8	Lớp 8	
44	1001020207	Nguyễn Thị Ngọc	Nam	08/04/2004	KD10C	Lớp 8	Lớp 8	Lớp 8	Lớp 8	
45	1001020208	Trần Thành	Nam	14/01/2004	KD10H		Lớp 8		Lớp 8	
46	1101021132	Nguyễn Thị Thúy	Nga	14/01/2005	KD11E	Lớp 8	Lớp 8	Lớp 8	Lớp 8	
1	1101030638	Nguyễn Thúy	Nga	14/07/2005	QT11A	Lớp 9	Lớp 9	Lớp 9	Lớp 9	
2	1101020197	Phạm Thị	Nga	01/02/2003	KD11G	Lớp 9	Lớp 9	Lớp 9	Lớp 9	
3	1001030636	Đào Thị	Ngân	26/12/2004	QT10A	Lớp 9	Lớp 9	Lớp 9	Lớp 9	
4	1101020199	Lê Hồng	Ngân	11/07/2005	KD11C	Lớp 9	Lớp 9	Lớp 9	Lớp 9	
5	1101030642	Nguyễn Kim	Ngân	03/08/2005	QT11B	Lớp 9	Lớp 9	Lớp 9	Lớp 9	
6	1101011293	Nguyễn Thị Hồng	Ngân	17/07/2005	TC11A	Lớp 9	Lớp 9	Lớp 9	Lớp 9	
7	1001010834	Nguyễn Ngọc	Nghĩa	15/09/2004	TC10A	Lớp 9	Lớp 9	Lớp 9	Lớp 9	
8	1101031732	Nguyễn Thanh	Ngoan	01/04/2005	QT11A	Lớp 9	Lớp 9	Lớp 9	Lớp 9	
9	1001031276	Cao Hồng	Ngọc	19/06/2004	QT10B		Lớp 9	Lớp 9		
10	1101020205	Đỗ Lê Hoàng	Ngọc	19/02/2005	KD11E	Lớp 9	Lớp 9	Lớp 9	Lớp 9	
11	1001020216	Lê Thị Bích	Ngọc	15/03/2004	KD10D	Lớp 9	Lớp 9	Lớp 9	Lớp 9	
12	1101061080	Ngô Bảo	Ngọc	04/11/2005	KA11A	Lớp 9	Lớp 9	Lớp 9	Lớp 9	
13	1101020206	Nguyễn Bích	Ngọc	03/10/2005	KD11A	Lớp 9	Lớp 9	Lớp 9	Lớp 9	
14	1101061081	Nguyễn Bùi Bảo	Ngọc	22/12/2005	KA11A	Lớp 9	Lớp 9	Lớp 9	Lớp 9	
15	1001030642	Nguyễn Hoài	Ngọc	09/11/2004	QM10B	Lớp 9	Lớp 9	Lớp 9	Lớp 9	
16	1101020207	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	08/11/2005	KD11G	Lớp 9	Lớp 9	Lớp 9	Lớp 9	

DANH SÁCH LỚP ÔN THI CHUẨN ĐẦU RA NGOẠI NGỮ - ĐỢT 2 NĂM 2025

TT	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Nghe	Nói	Đọc	Viết	Ghi chú
17	1001020220	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	20/11/2004	KD10A	Lớp 9		Lớp 9	Lớp 9	
18	1204020023	Phạm Thị	Ngọc	19/07/1993	LT12A	Lớp 9	Lớp 9	Lớp 9	Lớp 9	
19	1001030646	Phạm Thị Bích	Ngọc	09/12/2004	QT10A	Lớp 9	Lớp 9	Lớp 9	Lớp 9	
20	1001020222	Trình Minh	Ngọc	30/06/2004	KD10B	Lớp 9	Lớp 9	Lớp 9	Lớp 9	
21	1101030651	Giáp Thị Thảo	Nguyên	16/07/2005	QT11B	Lớp 9	Lớp 9	Lớp 9	Lớp 9	
22	1101020209	Nguyễn Đình	Nguyên	08/09/2005	KD11D	Lớp 9	Lớp 9	Lớp 9	Lớp 9	
23	1101020210	Nguyễn Thị	Nguyên	09/02/2005	KD11E	Lớp 9	Lớp 9	Lớp 9	Lớp 9	
24	1001030648	Nguyễn Trung	Nguyên	10/09/2003	QM10A	Lớp 9	Lớp 9	Lớp 9	Lớp 9	
25	1101030872	Lê Thu Ánh	Nguyệt	19/08/2005	QT11B	Lớp 9	Lớp 9	Lớp 9	Lớp 9	
26	1001031459	Phạm Thị Ánh	Nguyệt	21/11/2004	QT10B		Lớp 9		Lớp 9	
27	1001030649	Nguyễn Thị	Nhâm	10/02/2004	QT10B				Lớp 9	
28	1001020227	Đào Yến	Nhi	18/11/2004	KD10C	Lớp 9	Lớp 9	Lớp 9	Lớp 9	
29	1205020011	Lê Thị Hoàng	Nhi	16/01/2000	LT12A	Lớp 9	Lớp 9	Lớp 9	Lớp 9	
30	0810211764	Lê Thị Yến	Nhi	30/08/2001	KD9E	Lớp 9	Lớp 9	Lớp 9	Lớp 9	
31	1101031219	Đỗ Thị Quỳnh	Như	17/02/2005	QT11B	Lớp 9	Lớp 9	Lớp 9	Lớp 9	
32	1101020224	Nguyễn Thị	Như Ý	14/07/2005	KD11D	Lớp 9	Lớp 9	Lớp 9	Lớp 9	
33	1001021121	Hoàng Hồng	Nhung	01/12/2004	KD10D	Lớp 9	Lớp 9	Lớp 9	Lớp 9	
34	1001020239	Lê Hồng	Nhung	04/02/2004	KD10B	Lớp 9	Lớp 9	Lớp 9	Lớp 9	
35	1001020240	Nguyễn Hồng	Nhung	31/12/2004	KD10C	Lớp 9	Lớp 9	Lớp 9	Lớp 9	
36	1001020242	Trình Thị Hồng	Nhung	20/05/2004	KD10G		Lớp 9	Lớp 9	Lớp 9	
37	1101010880	Vương Thị Hồng	Nhung	01/06/2005	NH11A	Lớp 9	Lớp 9	Lớp 9	Lớp 9	
38	0901030235	Chu Thị Châm	Oanh	26/10/2003	QT9A	Lớp 9	Lớp 9	Lớp 9	Lớp 9	
39	1101020229	Nguyễn Thị	Oanh	16/10/2005	KD11G	Lớp 9	Lớp 9	Lớp 9	Lớp 9	
40	1001020244	Trần Thục	Oanh	30/03/2004	KD10A		Lớp 9	Lớp 9	Lớp 9	
41	1001020245	Vũ Hương	Oanh	20/08/2004	KD10B	Lớp 9	Lớp 9	Lớp 9	Lớp 9	
42	1001010842	Ngô Thế	Phát	17/11/2004	NH10A	Lớp 9	Lớp 9	Lớp 9	Lớp 9	
43	1101030665	Nguyễn Đình	Phi	08/09/2005	QT11A	Lớp 9	Lớp 9	Lớp 9	Lớp 9	
44	1101030666	Nguyễn Xuân	Phong	18/04/2005	QT11B	Lớp 9	Lớp 9	Lớp 9	Lớp 9	
45	1001010844	Trần Hoàng	Phong	09/05/2004	TC10A	Lớp 9	Lớp 9	Lớp 9	Lớp 9	
46	0901030033	Nguyễn Hồng	Phúc	16/09/2003	KD9N	Lớp 9	Lớp 9	Lớp 9	Lớp 9	
1	1204020012	Nguyễn Văn	Phúc	11/07/1990	LT12A	Lớp 10	Lớp 10	Lớp 10	Lớp 10	
2	1101020232	Bùi Thu	Phương	12/06/2005	KD11B	Lớp 10	Lớp 10	Lớp 10	Lớp 10	
3	1101031222	Bùi Thu	Phương	23/09/2005	QT11A	Lớp 10	Lớp 10	Lớp 10	Lớp 10	
4	1001020249	Lê Thị Thu	Phương	12/08/2004	KD10H	Lớp 10	Lớp 10	Lớp 10	Lớp 10	
5	1001030666	Lý Thu	Phương	10/09/2004	QT10B	Lớp 10	Lớp 10	Lớp 10	Lớp 10	
6	1001020846	Nguyễn Quỳnh	Phương	11/07/2004	KD10C	Lớp 10	Lớp 10	Lớp 10	Lớp 10	

DANH SÁCH LỚP ÔN THI CHUẨN ĐẦU RA NGOẠI NGỮ - ĐỢT 2 NĂM 2025

TT	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Nghe	Nói	Đọc	Viết	Ghi chú
7	1001010848	Trần Mai	Phuong	29/12/2004	TC10B	Lớp 10	Lớp 10	Lớp 10	Lớp 10	
8	1101021024	Trịnh Thu	Phuong	08/11/2005	KD11C	Lớp 10	Lớp 10	Lớp 10	Lớp 10	
9	1001020254	Trương Thu	Phuong	25/10/2004	KD10H	Lớp 10	Lớp 10	Lớp 10	Lớp 10	
10	1101021025	Vương Thị	Phuong	30/06/2005	KD11G	Lớp 10	Lớp 10	Lớp 10	Lớp 10	
11	0901030205	Đào Hồng	Quân	30/10/2003	QT9B	Lớp 10	Lớp 10	Lớp 10		
12	1101030681	Vũ Nguyễn Đình	Quang	15/04/2005	QT11A	Lớp 10	Lớp 10	Lớp 10	Lớp 10	
13	1001021049	Lưu Thị Hồng	Quỳn	18/12/2004	KD10C	Lớp 10	Lớp 10	Lớp 10	Lớp 10	
14	1001020261	Trương Thị	Quỳn	16/02/2004	KD10G	Lớp 10	Lớp 10	Lớp 10	Lớp 10	
15	1101020247	Đào Diễm	Quỳnh	26/12/2005	KD11D	Lớp 10	Lớp 10	Lớp 10	Lớp 10	
16	1001021050	Lại Thị Như	Quỳnh	25/01/2004	KD10C	Lớp 10	Lớp 10	Lớp 10	Lớp 10	
17	1101080417	Nguyễn Lê Nhật	Quỳnh	13/12/2005	TM11A	Lớp 10	Lớp 10	Lớp 10	Lớp 10	
18	1101020252	Nguyễn Thị	Quỳnh	29/04/2005	KD11C	Lớp 10	Lớp 10	Lớp 10	Lớp 10	
19	1001021051	Phạm Như	Quỳnh	02/10/2004	KD10B	Lớp 10	Lớp 10	Lớp 10	Lớp 10	
20	1001031395	Trần Thị	Quỳnh	17/02/2004	QM10A	Lớp 10		Lớp 10	Lớp 10	
21	1101020254	Vũ Thị	Quỳnh	17/02/2005	KD11E	Lớp 10	Lớp 10	Lớp 10	Lớp 10	
22	1001030680	Nguyễn Quang	Sang	05/04/2004	QM10A			Lớp 10	Lớp 10	
23	0901010227	Nguyễn Hồng	Son	01/09/2003	NH9A	Lớp 10	Lớp 10	Lớp 10	Lớp 10	
24	1001021418	Nguyễn Hồng	Son	15/11/2004	KD10E	Lớp 10	Lớp 10	Lớp 10	Lớp 10	
25	1001030681	Nguyễn Hữu	Son	08/12/2004	QT10B	Lớp 10	Lớp 10	Lớp 10	Lớp 10	
26	1001010855	Vũ Ngọc	Son	24/07/2004	TC10B	Lớp 10	Lớp 10	Lớp 10	Lớp 10	
27	1001021053	Lê Anh	Tài	28/09/2004	KD10H	Lớp 10		Lớp 10	Lớp 10	
28	1001010905	Phạm Trọng	Tài	16/12/2004	TC10A	Lớp 10	Lớp 10	Lớp 10	Lớp 10	
29	1101031366	Lưu Danh	Thái	14/02/2005	QT11A	Lớp 10	Lớp 10	Lớp 10	Lớp 10	
30	0810120215	Nguyễn Thị	Thản	31/03/2002	NH8A			Lớp 10	Lớp 10	
31	1001030689	Nguyễn Hữu	Thắng	04/07/2004	QT10B	Lớp 10	Lớp 10	Lớp 10	Lớp 10	
32	1001010859	Nguyễn Quang	Thắng	21/10/2003	NH10A	Lớp 10	Lớp 10	Lớp 10	Lớp 10	
33	1101021032	Đào Thị	Thanh	22/08/2005	KD11D	Lớp 10	Lớp 10	Lớp 10	Lớp 10	
34	1001031303	Đỗ Phương	Thanh	31/07/2004	QT10A	Lớp 10	Lớp 10	Lớp 10	Lớp 10	

DANH SÁCH LỚP ÔN THI CHUẨN ĐẦU RA NGOẠI NGỮ - ĐỢT 2 NĂM 2025

TT	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Nghe	Nói	Đọc	Viết	Ghi chú
35	0901030141	Hà Hoài	Thanh	29/11/2002	QM9A	Lớp 10	Lớp 10	Lớp 10	Lớp 10	
36	1001031304	Lê Phương	Thanh	29/04/2004	QM10A	Lớp 10	Lớp 10	Lớp 10	Lớp 10	
37	1101020260	Trương Kiều	Thanh	26/03/2005	KD11E	Lớp 10	Lớp 10	Lớp 10	Lớp 10	
38	1001010862	Nguyễn Tiến	Thành	26/05/2004	TC10A	Lớp 10	Lớp 10	Lớp 10	Lớp 10	
39	1101080419	Vũ Tiến	Thành	27/01/2005	TM11A	Lớp 10	Lớp 10	Lớp 10	Lớp 10	
40	1101060358	Chu Thanh	Thảo	24/01/2005	KA11A	Lớp 10	Lớp 10	Lớp 10	Lớp 10	
41	1001020272	Đào Thanh	Thảo	29/01/2004	KD10G	Lớp 10	Lớp 10	Lớp 10	Lớp 10	
42	0901030719	Đinh Thị Ngọc	Thảo	30/09/2003	QM9A	Lớp 10	Lớp 10	Lớp 10	Lớp 10	
43	1001020273	Đinh Thị Thanh	Thảo	19/08/2004	KD10B	Lớp 10	Lớp 10		Lớp 10	
44	1204020014	Đinh Thu	Thảo	23/03/1991	LT12A	Lớp 10	Lớp 10	Lớp 10	Lớp 10	
45	1001020274	Đỗ Thị Thu	Thảo	14/11/2004	KD10H	Lớp 10	Lớp 10	Lớp 10	Lớp 10	
46	1001081437	Hồ Lê Phương	Thảo	23/10/2004	TM10A	Lớp 10	Lớp 10	Lớp 10	Lớp 10	
1	1001010864	Hoàng Thị	Thảo	15/04/2003	TC10A	Lớp 11		Lớp 11	Lớp 11	
2	1101021034	Hoàng Thị Thu	Thảo	04/11/2005	KD11C	Lớp 11	Lớp 11	Lớp 11	Lớp 11	
3	1001031397	Mai Phương	Thảo	07/10/2004	QM10A	Lớp 11	Lớp 11	Lớp 11	Lớp 11	
4	1101030701	Ngô Thanh	Thảo	07/12/2005	QT11B	Lớp 11	Lớp 11	Lớp 11	Lớp 11	
5	0810211729	Ngô Thanh	Thảo	18/03/2002	KD8A	Lớp 11	Lớp 11	Lớp 11	Lớp 11	
6	1001031759	Nguyễn Phương	Thảo	27/10/2004	QT10A	Lớp 11	Lớp 11	Lớp 11	Lớp 11	
7	0901010269	Nguyễn Phương	Thảo	01/05/2003	TC9B	Lớp 11	Lớp 11	Lớp 11	Lớp 11	
8	1001021057	Nguyễn Phương	Thảo	16/10/2004	KD10A	Lớp 11		Lớp 11	Lớp 11	
9	1101031229	Nguyễn Thị	Thảo	05/05/2005	QT11A	Lớp 11	Lớp 11	Lớp 11	Lớp 11	
10	1001080420	Nguyễn Thị	Thảo	06/11/2004	TM10A	Lớp 11	Lớp 11	Lớp 11	Lớp 11	
11	1101060359	Nguyễn Thị	Thảo	13/08/2005	KA11A	Lớp 11	Lớp 11	Lớp 11	Lớp 11	
12	1001031666	Nguyễn Thị Phương	Thảo	13/05/2004	QM10A	Lớp 11	Lớp 11	Lớp 11	Lớp 11	
13	1001021060	Nguyễn Thị Phương	Thảo	06/07/2004	KD10H		Lớp 11	Lớp 11	Lớp 11	
14	1101021038	Nguyễn Thu	Thảo	29/05/2005	KD11D	Lớp 11	Lớp 11	Lớp 11	Lớp 11	
15	1001020284	Nhac Thị Thanh	Thảo	15/02/2004	KD10A	Lớp 11	Lớp 11	Lớp 11	Lớp 11	
16	1001021061	Phạm Phương	Thảo	26/08/2004	KD10C	Lớp 11	Lớp 11	Lớp 11	Lớp 11	
17	0710112006	Phạm Thị Bích	Thảo	02/10/2000	TC7A	Lớp 11	Lớp 11	Lớp 11	Lớp 11	
18	1101030704	Trần Thị Thu	Thảo	11/08/2005	QM11A	Lớp 11	Lớp 11	Lớp 11	Lớp 11	
19	1001021063	Trịnh Thu	Thảo	12/11/2002	KD10E	Lớp 11	Lớp 11	Lớp 11	Lớp 11	
20	1205020016	Vũ Phương	Thảo	04/02/2002	LT12A	Lớp 11	Lớp 11	Lớp 11	Lớp 11	
21	1001031394	Vũ Thị	The	12/03/2004	QT10A	Lớp 11	Lớp 11	Lớp 11	Lớp 11	
22	0810310875	Vũ Thành	Thép	20/10/2002	QT8B	Lớp 11	Lớp 11	Lớp 11	Lớp 11	
23	1001020288	Cao Thị	Thi	20/02/2004	KD10G	Lớp 11	Lớp 11	Lớp 11	Lớp 11	
24	1101040378	Ngô Mai	Thi	07/07/2005	CT11A	Lớp 11	Lớp 11	Lớp 11	Lớp 11	

DANH SÁCH LỚP ÔN THI CHUẨN ĐẦU RA NGOẠI NGỮ - ĐỢT 2 NĂM 2025

TT	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Nghe	Nói	Đọc	Viết	Ghi chú
25	1001010868	Lý Trí	Thiên	03/09/2004	TC10A	Lớp 11	Lớp 11	Lớp 11	Lớp 11	
26	1101010899	Nguyễn Thị Anh	Thơ	01/08/2005	TC11A	Lớp 11	Lớp 11	Lớp 11	Lớp 11	
27	1001021446	Nguyễn Thị	Thoa	28/08/1999	KD10B		Lớp 11		Lớp 11	
28	1001030701	Trương Thị	Thoan	09/09/2003	QM10A	Lớp 11	Lớp 11	Lớp 11	Lớp 11	
29	1001021572	Phan Thị	Thơm	29/12/2003	KD10E		Lớp 11	Lớp 11	Lớp 11	
30	0901030120	Mai Trung	Thông	06/04/2003	QT9D	Lớp 11	Lớp 11	Lớp 11	Lớp 11	
31	1001061430	Nguyễn Thị Hoài	Thu	29/11/2004	KA10A	Lớp 11	Lớp 11	Lớp 11	Lớp 11	
32	1101030420	Vũ Minh	Thu	02/11/2005	QT11A	Lớp 11	Lớp 11	Lớp 11	Lớp 11	
33	1101070454	Vũ Thị Minh	Thu	10/10/2005	KL11A	Lớp 11	Lớp 11	Lớp 11	Lớp 11	
34	1001011455	Hoàng Hà Anh	Thư	26/02/2004	TC10B	Lớp 11	Lớp 11	Lớp 11	Lớp 11	
35	1001060372	Ngô Hồng	Thư	20/01/2004	KA10A	Lớp 11	Lớp 11	Lớp 11	Lớp 11	
36	1001010871	Đỗ Thu	Thuận	26/12/2002	TC10A	Lớp 11	Lớp 11	Lớp 11	Lớp 11	
37	1203020017	Lưu Thị	Thuận	26/05/1992	LT12A	Lớp 11	Lớp 11	Lớp 11	Lớp 11	
38	1001030704	Trịnh Văn	Thuận	25/10/2004	QT10A	Lớp 11	Lớp 11	Lớp 11	Lớp 11	
39	1101020281	Nguyễn Hoài	Thương	28/07/2005	KD11D	Lớp 11	Lớp 11	Lớp 11	Lớp 11	
40	1001030705	Nguyễn Thị	Thương	16/07/2004	QM10A	Lớp 11		Lớp 11	Lớp 11	
41	1001021066	Nguyễn Thị Hoài	Thương	18/11/2004	KD10C		Lớp 11	Lớp 11	Lớp 11	
42	1001071166	Đỗ Thị	Thùy	10/05/2003	QL10A	Lớp 11	Lớp 11	Lớp 11	Lớp 11	
43	1001010873	Nguyễn Thu	Thủy	15/12/2004	TC10A	Lớp 11	Lớp 11		Lớp 11	
44	1101020284	Hoàng Thị	Thúy	03/11/2005	KD11A	Lớp 11	Lớp 11	Lớp 11	Lớp 11	
45	1001021670	Lê Ngọc	Thúy	02/06/2004	KD10D	Lớp 11	Lớp 11	Lớp 11	Lớp 11	
46	1101030710	Nguyễn Hương	Thúy	27/05/2005	QM11A	Lớp 11	Lớp 11	Lớp 11	Lớp 11	
1	1001031452	Bùi Thị	Thùy	12/12/2004	QT10A		Lớp 12	Lớp 12	Lớp 12	
2	1101060361	Bùi Thị Phương	Thùy	15/10/2005	KA11A	Lớp 12	Lớp 12	Lớp 12	Lớp 12	
3	1001021068	Đỗ Thị Minh	Thùy	16/10/2004	KD10G	Lớp 12	Lớp 12	Lớp 12	Lớp 12	
4	1101061043	Hoàng Thị Phương	Thùy	08/05/2005	KA11A	Lớp 12	Lớp 12	Lớp 12	Lớp 12	
5	0810210220	Nguyễn Linh	Thùy	29/06/2002	KD8B	Lớp 12	Lớp 12	Lớp 12	Lớp 12	
6	1101020286	Trần Phương	Thùy	20/01/2005	KD11C	Lớp 12	Lớp 12	Lớp 12	Lớp 12	

DANH SÁCH LỚP ÔN THI CHUẨN ĐẦU RA NGOẠI NGỮ - ĐỢT 2 NĂM 2025

TT	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Nghe	Nói	Đọc	Viết	Ghi chú
7	1101081435	Vũ Thị Thanh	Thùy	12/10/2005	TM11A	Lớp 12	Lớp 12	Lớp 12	Lớp 12	
8	1001030708	Chu Thủy	Tiên	13/01/2001	QT10B	Lớp 12	Lớp 12	Lớp 12	Lớp 12	
9	1001030709	Nguyễn Thủy	Tiên	22/12/2004	QM10B	Lớp 12	Lớp 12	Lớp 12	Lớp 12	
10	1001010876	Vũ Huy	Tiến	08/06/2004	NH10A	Lớp 12	Lớp 12	Lớp 12	Lớp 12	
11	1001010878	Lê Quang	Toàn	17/03/2004	TC10A	Lớp 12	Lớp 12	Lớp 12	Lớp 12	
12	0901020196	Nguyễn Thanh	Toàn	18/10/2003	KD9G	Lớp 12	Lớp 12	Lớp 12	Lớp 12	
13	1001020307	Bùi Thị Huyền	Trang	19/06/2004	KD10E	Lớp 12	Lớp 12	Lớp 12	Lớp 12	
14	1001020308	Chu Thị Huyền	Trang	27/10/2004	KD10G	Lớp 12	Lớp 12	Lớp 12	Lớp 12	
15	1101021050	Đào Huyền	Trang	03/06/2005	KD11A	Lớp 12	Lớp 12	Lớp 12	Lớp 12	
16	1001021447	Đỗ Lê Minh	Trang	25/05/2004	KD10H	Lớp 12	Lớp 12	Lớp 12	Lớp 12	
17	0901030679	Dương Thị	Trang	08/08/2003	QM9B	Lớp 12	Lớp 12	Lớp 12	Lớp 12	
18	1101030721	Hoàng Thị Quỳnh	Trang	18/06/2005	QT11B	Lớp 12	Lớp 12	Lớp 12	Lớp 12	
19	1101020296	Lê Hà	Trang	24/11/2005	KD11D	Lớp 12	Lớp 12	Lớp 12	Lớp 12	
20	0901020361	Lê Quỳnh	Trang	08/11/2003	KD9N	Lớp 12	Lớp 12	Lớp 12	Lớp 12	
21	1001031676	Lê Thị Hà	Trang	10/07/2004	QM10A	Lớp 12	Lớp 12	Lớp 12	Lớp 12	
22	1101060363	Lê Thu	Trang	14/11/2005	KA11A	Lớp 12	Lớp 12	Lớp 12	Lớp 12	
23	1101010903	Lương Quỳnh	Trang	09/11/2005	TC11A	Lớp 12	Lớp 12	Lớp 12	Lớp 12	
24	1001010883	Lý Thùy	Trang	30/12/2004	NH10A	Lớp 12	Lớp 12	Lớp 12	Lớp 12	
25	1101020300	Nguyễn Quỳnh	Trang	10/03/2005	KD11B	Lớp 12	Lớp 12	Lớp 12	Lớp 12	
26	1101021054	Nguyễn Thị	Trang	15/08/2005	KD11E	Lớp 12	Lớp 12	Lớp 12	Lớp 12	
27	1001020314	Nguyễn Thị	Trang	08/08/2004	KD10A	Lớp 12	Lớp 12	Lớp 12	Lớp 12	
28	1204020024	Nguyễn Thị Kiều	Trang	07/04/1989	LT12A	Lớp 12	Lớp 12	Lớp 12	Lớp 12	
29	1001030720	Nguyễn Thị Kiều	Trang	28/03/2004	QT10A	Lớp 12	Lớp 12	Lớp 12	Lớp 12	
30	1001020315	Nguyễn Thị Kiều	Trang	24/07/2004	KD10B	Lớp 12	Lớp 12		Lớp 12	
31	1101011314	Nguyễn Thị Quỳnh	Trang	20/01/2005	TC11A	Lớp 12	Lớp 12	Lớp 12	Lớp 12	
32	1001021318	Nguyễn Thị Thu	Trang	01/11/2004	KD10C	Lớp 12	Lớp 12	Lớp 12	Lớp 12	
33	1001020316	Nguyễn Thị Thu	Trang	15/08/2004	KD10B	Lớp 12	Lớp 12		Lớp 12	
34	1001020317	Nguyễn Thị Thùy	Trang	05/09/2004	KD10D		Lớp 12		Lớp 12	
35	0901011003	Nguyễn Thu	Trang	30/09/2002	NH9A	Lớp 12	Lớp 12	Lớp 12	Lớp 12	
36	1101021057	Nguyễn Thùy	Trang	28/10/2005	KD11G	Lớp 12	Lớp 12	Lớp 12	Lớp 12	
37	1001020451	Nguyễn Thùy	Trang	29/02/2004	KD10G		Lớp 12	Lớp 12	Lớp 12	
38	0901030376	Phạm Thị Đoan	Trang	30/07/2003	QT9A	Lớp 12	Lớp 12	Lớp 12	Lớp 12	
39	1101040380	Phạm Thị Đoan	Trang	03/02/2005	CT11A	Lớp 12	Lớp 12	Lớp 12	Lớp 12	
40	1101010904	Phan Thị Huyền	Trang	10/10/2005	TC11A	Lớp 12	Lớp 12	Lớp 12	Lớp 12	
41	1101020310	Trần Thị Huyền	Trang	30/08/2005	KD11C	Lớp 12	Lớp 12	Lớp 12	Lớp 12	
42	1001020322	Vũ Thu	Trang	12/06/2004	KD10E		Lớp 12	Lớp 12	Lớp 12	

DANH SÁCH LỚP ÔN THI CHUẨN ĐẦU RA NGOẠI NGỮ - ĐỢT 2 NĂM 2025

TT	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Nghe	Nói	Đọc	Viết	Ghi chú
43	0810310878	Nguyễn Văn	Triều	30/09/2002	QT8A	Lớp 12	Lớp 12	Lớp 12	Lớp 12	
44	1001031322	Hà Thị Thanh	Trúc	13/01/2004	QM10A	Lớp 12	Lớp 12	Lớp 12	Lớp 12	
45	1001010886	Vũ Thanh	Trúc	08/03/2004	NH10A	Lớp 12	Lớp 12	Lớp 12	Lớp 12	
46	1205020018	Khổng Văn	Trung	01/12/1988	LT12A	Lớp 12	Lớp 12	Lớp 12	Lớp 12	
1	1101080424	Nguyễn Đức	Trung	02/10/2005	TM11A	Lớp 13	Lớp 13	Lớp 13	Lớp 13	
2	1101030731	Phạm Xuân	Trung	26/08/2005	QT11A	Lớp 13	Lớp 13	Lớp 13	Lớp 13	
3	1001030725	Chu Quyết	Trường	16/06/2004	QM10A	Lớp 13	Lớp 13	Lớp 13	Lớp 13	
4	1101021335	Lê Minh	Tú	22/10/2004	KD11E	Lớp 13	Lớp 13	Lớp 13	Lớp 13	
5	1101060907	Lê Quang	Tú	09/04/2005	KA11A	Lớp 13	Lớp 13	Lớp 13	Lớp 13	
6	0901020051	Nguyễn Văn	Tú	02/12/2003	KD9G	Lớp 13	Lớp 13	Lớp 13	Lớp 13	
7	1001030729	Chữ Quốc	Tuấn	30/03/2004	QT10B	Lớp 13	Lớp 13	Lớp 13	Lớp 13	
8	0901010301	Ngô Anh	Tuấn	05/04/2003	QT9B	Lớp 13	Lớp 13	Lớp 13	Lớp 13	
9	1001030731	Nguyễn Hữu Minh	Tuấn	15/11/2004	QM10A	Lớp 13	Lớp 13	Lớp 13	Lớp 13	
10	1001021582	Trần Ngọc	Tuấn	08/03/2004	KD10G			Lớp 13	Lớp 13	
11	0810210947	Đình Xuân	Tùng	06/02/1995	KD8A			Lớp 13	Lớp 13	
12	1001080734	Nguyễn Lê Hoàng	Tùng	09/06/2004	TM10A			Lớp 13	Lớp 13	
13	0810210171	Nguyễn Ánh	Tuyết	14/11/2001	KD8C				Lớp 13	
14	1101031252	Nguyễn Thị Hà	Uyên	08/11/2005	QT11A	Lớp 13	Lớp 13	Lớp 13	Lớp 13	
15	1101030739	Nguyễn Thị Hải	Uyên	12/05/2005	QT11B	Lớp 13	Lớp 13	Lớp 13	Lớp 13	
16	1001031400	Nguyễn Thị Kim	Uyên	03/04/2004	QM10A	Lớp 13	Lớp 13	Lớp 13	Lớp 13	
17	1101020322	Nguyễn Thái	Vân	07/12/2005	KD11A	Lớp 13	Lớp 13	Lớp 13	Lớp 13	
18	1101030743	Nguyễn Thị Hồng	Vân	13/08/2005	QT11A	Lớp 13	Lớp 13	Lớp 13	Lớp 13	
19	1101021066	Phạm Ngọc	Vi	04/10/2004	KD11B	Lớp 13	Lớp 13	Lớp 13	Lớp 13	
20	1001010890	Lăng Quốc	Việt	29/10/2004	TC10A	Lớp 13	Lớp 13	Lớp 13	Lớp 13	
21	0901010818	Lưu Quốc	Việt	03/01/2003	NH9A	Lớp 13	Lớp 13	Lớp 13	Lớp 13	
22	1101020324	Nguyễn Thị Hồng	Vinh	22/11/2005	KD11D	Lớp 13	Lớp 13	Lớp 13	Lớp 13	
23	1001010891	Hoàng Anh	Vũ	26/08/2004	TC10B				Lớp 13	
24	0901030046	Nguyễn Xuân Hải	Vương	22/08/2003	QT9B		Lớp 13		Lớp 13	
25	1101020326	Nguyễn Hà	Vy	18/04/2005	KD11C	Lớp 13	Lớp 13	Lớp 13	Lớp 13	
26	1001060379	Đỗ Thúy	Xoan	22/10/2004	KA10A	Lớp 13			Lớp 13	
27	1001031392	Đàm Thị Kiều	Xuân	26/09/2004	QM10A	Lớp 13	Lớp 13	Lớp 13	Lớp 13	
28	1001010894	Nguyễn Thị	Xuân	09/05/2004	TC10B	Lớp 13	Lớp 13	Lớp 13	Lớp 13	
29	1101070462	Nguyễn Thị Thanh	Xuân	08/06/2005	QL11A	Lớp 13	Lớp 13	Lớp 13	Lớp 13	
30	1101010329	Trần Thị Chiêu	Xuân	07/05/2005	TC11A	Lớp 13	Lớp 13	Lớp 13	Lớp 13	
31	0810210819	Nguyễn Thị Như	Ý	14/05/2002	KD8G	Lớp 13	Lớp 13	Lớp 13	Lớp 13	
32	1001021088	Nguyễn Thị Như	Ý	01/06/2004	KD10G	Lớp 13			Lớp 13	

DANH SÁCH LỚP ÔN THI CHUẨN ĐẦU RA NGOẠI NGỮ - ĐỢT 2 NĂM 2025

TT	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Nghe	Nói	Đọc	Viết	Ghi chú
33	1101030755	Chủ Thị	Yến	11/06/2005	QT11B	Lớp 13	Lớp 13	Lớp 13	Lớp 13	
34	1101021410	Đặng Thị	Yến	06/02/2003	KD11D	Lớp 13	Lớp 13	Lớp 13	Lớp 13	
35	1101021070	Ngô Hải	Yến	04/01/2005	KD11A	Lớp 13	Lớp 13	Lớp 13	Lớp 13	
36	1101080758	Ngô Thị	Yến	09/09/2005	TM11A	Lớp 13	Lớp 13	Lớp 13	Lớp 13	
37	0901010498	Trần Thị Hải	Yến	09/10/2003	TC9A	Lớp 13	Lớp 13	Lớp 13	Lớp 13	
38	1001020345	Trịnh Thị Hải	Yến	20/07/2004	KD10B	Lớp 13	Lớp 13	Lớp 13	Lớp 13	